

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI
PHÒNG ĐBCL&KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI THI

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học(DHA0812052) Lớp: K79

Học kỳ: 2 Năm học: 2025 - 2026

Ngày công bố điểm thi:

26-06-2026

TT	Họ và tên	Mã SV/HV	Lớp/ Khóa	Số phách	Điểm thi trước phúc khảo		Điểm thi sau phúc khảo		Lý do chênh lệch điểm (nếu có)
					Bảng số	Bảng chữ	Bảng số	Bảng chữ	
1	Cồ Thị Mai Anh	2401015	A4K79	755	7	Bảy điểm	7	Bảy điểm	
2	Phạm Đức Anh	2401059	A4K79	724	3.8	Ba phẩy Tám	3.8	Ba phẩy Tám	
3	Phạm Quang Anh	2401063	A3K79	728	5	Năm điểm	5	Năm điểm	
4	Nguyễn Hải Đăng	2401126	A2K79	627	6.8	Sáu phẩy Tám	6.8	Sáu phẩy Tám	
5	Lê Anh Đức	2401140	A1K79	641	6.8	Sáu phẩy Tám	6.8	Sáu phẩy Tám	
6	Nguyễn Quỳnh Dương	2401169	A1K79	590	7.3	Bảy phẩy Ba	7.3	Bảy phẩy Ba	
7	Nguyễn Thị Duyên	2401181	A1K79	601	5	Năm điểm	5	Năm điểm	
8	Phạm Minh Hòa	2401250	A2K79	519	5.3	Năm phẩy Ba	5.3	Năm phẩy Ba	
9	Nguyễn Thành Hưng	2401278	A1K79	467	6.5	Sáu phẩy Năm	6.5	Sáu phẩy Năm	
10	Nguyễn Quốc Huy	2401298	A3K79	487	4.5	Bốn phẩy Năm	4.5	Bốn phẩy Năm	
11	Nguyễn Thị Khánh Huyền	2401309	A2K79	498	7	Bảy điểm	7	Bảy điểm	

TT	Họ và tên	Mã SV/HV	Lớp/ Khóa	Số phách	Điểm thi trước phúc khảo		Điểm thi sau phúc khảo		Lý do chênh lệch điểm (nếu có)
					Bảng số	Bảng chữ	Bảng số	Bảng chữ	
12	Nguyễn Đỗ Phương Linh	2401371	A4K79	26	6.3	Sáu phẩy Ba	6.3	Sáu phẩy Ba	
13	Nguyễn Thảo Linh	2401382	A3K79	36	7	Bảy điểm	7	Bảy điểm	
14	Nguyễn Tấn Khánh Nam	2401487	A2K79	141	3.5	Ba phẩy Năm	3.5	Ba phẩy Năm	
15	Trần Việt Nga	2401494	A4K79	148	6.3	Sáu phẩy Ba	6.3	Sáu phẩy Ba	
16	Nguyễn Từ Nghĩa	2401507	A4K79	161	6.3	Sáu phẩy Ba	6.3	Sáu phẩy Ba	
17	Nguyễn Bình Nhi	2401537	A4K79	191	3.3	Ba phẩy Ba	3.3	Ba phẩy Ba	
18	Hà Thanh Phúc	2401561	A1K79	214	5.3	Năm phẩy Ba	5.3	Năm phẩy Ba	
19	Hồ Thị Huyền Thanh	2401619	A1K79	265	4.8	Bốn phẩy Tám	4.8	Bốn phẩy Tám	
20	Nguyễn Thị Phương Thảo	2401630	A1K79	276	5.3	Năm phẩy Ba	5.3	Năm phẩy Ba	
21	Lê Thuý Tiên	2401666	A1K79	312	2	Hai điểm	4.8	Bốn phẩy tám	Cộng sót điểm
22	Nguyễn Duy Trí Trung	2401716	A4K79	364	2.3	Hai phẩy Ba	3.8	Ba phẩy tám	Cộng sót điểm
23	Đỗ Minh Vũ	2401748	A1K79	395	6	Sáu điểm	6	Sáu điểm	
24	Đỗ Thị Xuân	2401754	A4K79	401	6	Sáu điểm	6	Sáu điểm	

GIÁO VỤ KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tung Linh

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

Le Anh Quy

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐBCL&KT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kieu Thi Hong